

Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diễn Nghĩa**Tập 96****Chủ giảng: Lão pháp sư Tịnh Không****Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự độ tử Như Hòa****Giáo duyệt: Huệ Trang và Đức Phong**

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Xin xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang một trăm mười, dòng thứ hai từ dưới đếm lên, xem từ câu thứ hai:

“Hưu Danh Nghĩa Tập viết: “Bạt Đà Bà La” (Lại nữa, sách Danh Nghĩa Tập¹ nói: “Bạt Đà Bà La”), đây là tiếng Phạn, “phiên vi Hiền Hộ, tự hộ hiền đức, phục hộ chúng sanh cố. Hoặc vân Hiền Thủ, dĩ vị cư Đẳng Giác, vi chúng hiền chi thủ cố” (dịch là Hiền Hộ, tự gìn giữ hiền đức, lại hộ trì chúng sanh. Hoặc dịch là Hiền Thủ, do Ngài ở địa vị Đẳng Giác, là Thượng Thủ của các bậc hiền nhân). Đoạn này giải thích ý nghĩa biểu pháp trong danh hiệu. Tiếng Phạn *Bạt Đà Bà La* (Bhadrapāla), dịch sang nghĩa tiếng Hán là Hiền Hộ. Hiền là gì? Hộ là gì? *“Tự hộ hiền đức”* (tự gìn giữ hiền đức) là ý nghĩa của chữ Hiền, *“phục hộ chúng sanh”* (lại hộ trì chúng sanh) là ý nghĩa của chữ Hộ. Do vậy, Hiền là đối với chính mình mà nói, Hộ là đối với đại chúng mà nói. Hiền đức vô lượng vô biên, cũng giống như người Hoa dạy trẻ nhỏ, quý vị thấy họ dạy trẻ con, lúc mới nhập học, nói chung là sáu bảy tuổi, học Tam Tự Kinh. Tam Tự Kinh là khái luận của văn hóa truyền thống Trung Quốc, quý vị thấy vừa nhập môn sẽ dạy tác phẩm này, vun đắp khái niệm này trước hết. Phương pháp dạy học như thế thật sự là trí huệ lỗi lạc, chẳng giống như người ngoại quốc. Người ngoại quốc dạy trẻ nhỏ, họ nói rất thực tế, cho là trẻ nhỏ chẳng hiểu lý luận lớn lao như *“nhân chi sơ, tánh bản thiện”* (con người thoát đầu, tánh vốn lành), làm sao chúng nó có thể hiểu được? Chúng nó có thể hiểu điều gì? Con cún sủa, con mèo bé nhảy nhót, chúng hiểu những điều này, bèn dạy cho chúng những điều ấy. Tuy [nhìn bề ngoài] trẻ chẳng hiểu, quý vị chẳng thể nói chúng nó không hiểu, chớ nên coi thường chúng. Trẻ nhỏ có trí huệ vô cùng cao. Các bác sĩ tâm lý học của Tây phương trong thời cận đại đã dùng thuật thôi miên để chứng thực điều này. Không chỉ là trẻ thơ sau khi được sanh ra, mà ngay cả trước khi sanh, ở trong thai mẹ, chúng cũng rất thông minh, hoàn toàn hiểu rõ tâm tình của mẹ, mẹ ăn uống gì, chúng nó đều có thể cảm nhận được. Làm sao quý vị có thể nói là chúng không biết? Những người ấy sau khi phát hiện [sự thật trên đây], mới thật sự nghĩ cổ nhân Trung Quốc nói *“thai giáo”* rất hữu lý!

Hiền đức là như trong kinh Hoa Nghiêm đức Phật đã dạy: *“Hết thảy chúng sanh đều có trí huệ và đức tướng của Như Lai”*. Trí huệ là đức, trí huệ chính là đức được nói tới trong *“hiền đức”* ở đây. Ở chỗ này, đức năng và tướng hảo được gọi là Hiền, chúng vốn sẵn có trong tự tánh. Trong câu nói này, đức Phật hoàn toàn nói tới cương lĩnh của nó

¹ Sách Danh Nghĩa Tập có tên gọi đầy đủ là Phiên Dịch Danh Nghĩa Tập, gồm bảy quyển do ngài Pháp Vân biên soạn, hoàn thành vào năm Thiệu Hưng 13 (1143) đời Nam Tống. Sách được chia thành 44 thiên, gồm 2.000 từ ngữ nhằm giải thích các danh từ thường dùng trong kinh Phật. Đối với mỗi từ gồm có phần nêu các cách phiên âm khác nhau của cùng một từ ngữ, phân biệt cách dịch nào là dịch theo ý, cách dịch nào là dịch sát nghĩa, đồng thời dẫn chứng các kinh luận tương quan.

(tánh đức). Trong khi dạy học, đức Phật bảo chúng ta, Thập Thiện là hiền đức, chính mình vốn sẵn có. Tam Quy, Ngũ Giới, Lục Hòa, Lục Độ, mười nguyện Phổ Hiền đều là nói tới cương mục, cũng chẳng nhiều. Chúng tôi khăng định tổ tông đều là Phật, Bồ Tát tái lai, lời họ nói hoàn toàn tương tự với kinh Phật. Nếu quan sát kỹ lưỡng, có đến bảy tám phần trong mười phần giống như những điều do các vị sáng lập các đại tôn giáo trên toàn thế giới đã nói trong kinh điển, chỉ sai khác một hai phần trong mười phần. Chỗ không giống nhau là gì? Tập quán sinh hoạt. Trên thế giới này, chúng sanh đông dương ấy, hoàn cảnh cư trụ khác nhau, bối cảnh văn hóa khác nhau, cho nên có những thói quen khác nhau, Phật, Bồ Tát hằng thuận chúng sanh, hoàn cảnh ấy, phong tục tập quán ấy sẽ có lợi cho họ. Tập quán của người thuộc hàn đới là sống trong cảnh trời băng đất tuyết, họ đến vùng nhiệt đới chẳng thể chịu được, không thể chịu đựng khí hậu nơi đó. Cũng giống như vậy, người vùng nhiệt đới đến vùng băng giá cũng sống chẳng quen. Hiện thời, giao thông thuận tiện, trước kia giao thông bất tiện, đúng là có những trường hợp cho đến khi chết già vẫn chẳng qua lại với nhau, hoạt động cả đời chỉ là mấy thôn trang thân cận, có bao giờ tới huyện thành hay không? Cả đời cũng chẳng đi đến. Vì thế, thánh nhân giáo hóa tùy thuận tánh đức.

Thánh nhân Trung Quốc dạy chúng ta điều gì? Cũng rất đơn giản, mấy ngàn năm chẳng thay đổi, tổng cương lĩnh gồm mấy hạng mục là Ngũ Luân, Ngũ Thường, Tứ Duy, Bát Đức. Trung Quốc ngàn vạn năm truyền thừa những thứ ấy. Tứ Thư, Ngũ Kinh, mười ba kinh của Nho gia, thậm chí mở rộng đến Tứ Khố Toàn Thư, trong ấy nói những gì? Há chẳng phải là những điều ấy? Tuyệt đối chẳng rời khỏi bốn khoa mục ấy. Bốn khoa mục là Ngũ Luân, Ngũ Thường, Tứ Duy, Bát Đức. Chúng ta quy nạp chúng lại, nói thật sự là mười hai chữ, “hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, si, nhân ái, hòa bình”, mười hai chữ ấy và bốn khoa mục, khi quý vị đọc kỹ, bốn khoa mục ấy sẽ quy nạp thành mười hai chữ. Mấy ngàn năm giáo học của Trung Quốc, tổ tông các đời truyền thừa đều là những thứ ấy, chưa hề biến đổi. Chỉ sau khi nhà Mãn Thanh vong quốc, Dân Quốc thành lập, những điều ấy mới bị coi nhẹ, bỏ sót. Thời Dân Quốc vẫn chẳng thay đổi những điều ấy, nhưng không coi trọng và nghiêm túc như trong thời đại đế vương xưa kia. Vua chúa xưa kia nghiêm túc coi trọng điều này, khiến cho xã hội an tường, hòa hợp, hóa giải khá nhiều tai nạn. Hiện thời chúng ta đã hiểu rõ những nguyên lý ấy; đúng là kinh Phật đã dạy chẳng sai chút nào: “*Tướng do tâm sanh, cảnh chuyển theo tâm*”. Tâm thái của chúng ta tốt đẹp, niệm niệm chẳng rời khỏi mười hai chữ này. Khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, tạo tác đều chẳng vi phạm “hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, si, nhân ái, hòa bình”, quý vị chẳng vi phạm chúng. Mười hai chữ này được nói trong kinh điển nhà Phật, so với các điển tịch của nhiều nhà tôn giáo trên thế giới, quý vị thấy hoàn toàn giống nhau.

Cốt lõi của mười hai chữ là Ái, tức là Ái trong “nhân ái, hòa bình”. Nhà Phật chẳng nói Ái, mà nói từ bi, từ bi chính là Ái. Vì sao đức Phật không nói Ái, mà phải nói từ bi? Vì người thế gian thấy chữ Ái này, trong Ái có tình, nên gọi là ái tình. Ái rất tốt, nhưng tình là bất hảo! Do vậy, đức Phật không nói Ái, mà nói từ bi. Từ bi là Ái, trong đó có lý trí, điều này tốt lắm! Trong Ái phải có lý tánh, phải có trí huệ, chớ nên dùng cảm tình. Ái bằng cảm tình chẳng phải là thật, mà là giả ái, là hư tình giả ý, nhất định phải biết điều này. Vì sao? Nó bị biến đổi. Từ bi là Chân Ái, vĩnh hằng chẳng thay đổi, chân thật! Vì lẽ đó, Phật giáo dùng từ bi, không dùng Ái; nhưng trong các sách vở của nhiều tôn giáo trên thế giới chúng ta thấy nói “thần yêu thương con người”, hoặc “Thượng Đế yêu thương con người”. Chúng

ta biết lòng yêu thương ấy chính là từ bi như trong nhà Phật đã nói, chẳng phải là xử sự bằng cảm tình, chúng ta nhất định phải hiểu điều này. Chúng ta thấy trong kinh Cổ Lan (Koran), mấy câu trọng yếu trong phần trước đều được nhắc đến, “*Chân Chúa quả thật nhân từ*”. Nhân từ tốt lắm, nhân từ và từ bi như trong nhà Phật đã nói hoàn toàn giống nhau. Phía sau nhân từ là trí huệ, là lý tánh, chẳng phải là cảm tình, đây là cốt lõi của tánh đức, là trung tâm điểm của tánh đức. Tất cả hết thảy hiện đức đều phát xuất và được phát huy rạng rỡ từ nơi đây. Người có thể hộ trì hiện đức của chính mình sẽ gọi là “biết yêu thương chính mình”.

Vì vậy, người nào thật sự yêu thương chính mình? Nói theo Phật pháp, nói nghiêm ngặt thì là Pháp Thân Bồ Tát thực hiện trăm phần trăm sự “yêu thương chính mình”. Ở đây, nhóm Hiền Hộ gồm mười sáu vị tôn giả thật sự là Pháp Thân Bồ Tát. Không chỉ là Pháp Thân Bồ Tát, mà còn là Đẳng Giác Bồ Tát trong các vị Pháp Thân Bồ Tát, địa vị cao cả. Trong năm mươi một địa vị Bồ Tát của Phật giáo, các Ngài đã đạt tới địa vị cao nhất. Lên cao hơn nữa sẽ là Phật quả viên mãn rốt ráo, được gọi là địa vị Diệu Giác. Đẳng Giác đạt đến tối cao, Pháp Thân Bồ Tát có bốn mươi một địa vị, địa vị [Đẳng Giác] này cao nhất. Chúng ta có thể nói theo kinh Hoa Nghiêm, Sơ Trụ Bồ Tát, trong kinh Hoa Nghiêm, Sơ Trụ Bồ Tát thực hiện được sự “yêu thương chính mình”, thật sự yêu thương chính mình. Biết thân là giả, chẳng thật, chẳng còn vì thân thể này tạo nghiệp, ý niệm tự tư tự lợi chẳng còn, ý niệm tiếng tăm, lợi dưỡng chẳng có, chẳng còn đuổi theo tiếng tăm, lợi dưỡng, chúng là giả, chẳng còn tham cầu hưởng thụ ngũ dục, lục trần trong thế gian; tham, sân, si, mạn sẽ giảm bớt trên một mức độ lớn. Muốn đoạn chúng rất khó, thật sự đoạn được sẽ thành A La Hán; vì thế, đoạn những phiền não ấy rất khó khăn! Trong giai đoạn tu học của chúng ta, chúng đã được giảm nhẹ, chẳng nghiêm trọng như trong quá khứ, đó gọi là Hiền Hộ. Đây là điều chúng ta hãy nên làm, có thể hộ trì tánh đức của chính mình; ở đây [sách Danh Nghĩa Tập] nói là “*tự hộ hiện đức*”. Người ấy đúng như tiên sinh Phương Đông Mỹ đã nói: Đã đạt được sự hưởng thụ cao nhất trong đời người.

Quý vị phải biết sự hưởng thụ cao nhất trong đời người chẳng liên quan gì đến của cải và địa vị. Điển hình và khuôn phép tốt nhất là Thích Ca Mâu Ni Phật. Chẳng phải là Ngài không có [của cải, địa vị], Ngài sanh ra trong gia đình phú quý, phú quý từ lúc mới lọt lòng. Nếu Ngài chẳng xuất gia, sẽ nối ngôi vua, người Hoa nói: “*Quý vi thiên tử, phú hữu tứ hải*” (thiên tử sang quý, giàu có khắp bốn biển), Ngài có thân phận như thế. Đức Phật thông minh, giác ngộ từ nhỏ, hiểu rõ, mười chín tuổi bèn lìa bỏ cuộc sống trong cung vua, rời khỏi gia đình đi học đạo; nay chúng ta gọi là “du học”, thuở ấy gọi là “tham học”, tức là đi học hỏi những bậc cao nhân trong giới tôn giáo và giới học thuật. Cổ nhân Trung Quốc thường nói: “*Nhân đồng thủ tâm, tâm đồng thủ lý*” (người có cùng cái tâm này, tâm có cùng lý này). Chúng ta có thể hiểu, Ngài có thân phận là vương tử, lại vừa thông minh, hiếu học, tuổi trẻ như thế, mười mấy hai mươi tuổi. Ai không ưa thích hạng học trò như thế? Trong thời đại ấy, Ấn Độ đích xác là nước tôn giáo [phát triển nhất] trên toàn cầu, bất luận tôn giáo hay học thuật đều đạt tới cảnh giới rất cao. Họ sử dụng phương pháp, tuy chẳng giống như khoa học kỹ thuật hiện đại, họ sử dụng Thiên Định. Thiên Định có thể đột phá các chiều không gian, người bình phàm chúng ta gọi điều đó là “thần thông”. Những thứ chúng ta không thể thấy bằng mắt thịt, khi nhập Định, trong Định họ có thể trông thấy.

Trong Định có thể thấy quá khứ, tương lai. Do vậy từ cổ đến nay đều có những dự ngôn (lời tiên đoán), thưở chúng tôi còn trẻ, đối với những thứ ấy cũng hiểu kỳ.

Tôi thân cận lão cư sĩ Lý Bình Nam, thỉnh giáo lão nhân gia: Có thể tin tưởng những dự ngôn hay không? Có nên dựa theo đó hay không? Lão nhân gia bảo tôi: Dự ngôn chẳng rời khỏi Lý Số, đó là cơ sở của chúng. Tại Trung Quốc, dự ngôn chẳng rời khỏi kinh Dịch. Nếu tính toán rất chuẩn xác, quả thật có thể tin tưởng, nhưng loại tính toán này đúng là “*sai chỉ hào ly, làm lạc ngàn dặm*”. Vì sao có dự ngôn rất chuẩn xác, có dự ngôn không chuẩn xác, những điều đã nói chẳng hề xảy ra? Đó là vì trong ấy có đôi chút sai lầm sẽ chẳng chuẩn xác. Vì thế, nhà Phật nói họ dùng Tỷ Lượng, suy lường, nhưng thầy nói: Nếu là những điều thấy trong Định sẽ hết sức chuẩn xác. Vì thế, thầy bảo tôi: Thiên sư Hoàng Bá có mấy bài thơ dự ngôn chuẩn xác, nhưng những bài thơ ấy rất khó hiểu, giống như câu đố, rất khó suy luận thấu triệt. Đó là cảnh giới trong Định, là cảnh giới Hiện Lượng. Phàm là những loại dự ngôn giống như vậy đều rất đáng tin.

Trong xã hội hiện thời, sợ chẳng thể thấy người nào có thể nhập Định, chẳng còn có người như vậy nữa. Trong thế kỷ trước, còn có người tu hành đắc Định như lão hòa thượng Hư Vân, trong thế kỷ này tìm không ra! Phiền não tập khí trong tâm rất nặng, quý vị chẳng có cách nào nhập định. Ngoài xã hội thì như người ngoại quốc nói “từ trường hết sức bất hảo”. Chẳng nói chi khác, sóng vô tuyến điện quấy nhiễu quý vị đắc Định. Quý vị thấy hiện thời sóng vô tuyến điện là bao nhiêu? Đừng nói chi khác, cell phone của mỗi cá nhân phát ra sóng điện đã ghê gớm lắm rồi. Chúng ta mắt thịt nhìn không thấy. Nếu chúng ta thấy thì cả địa cầu bị những sóng điện từ bao phủ kín mít. Trong hoàn cảnh ấy, người ta chẳng có cách nào khiến tâm chẳng dao động, bộp chộp được? Tâm dao động, tính tình bộp chộp là gì? Do sóng điện từ quấy nhiễu, rất phức tạp. Trong quá khứ, khi chưa có những kỹ thuật ấy phát minh, không có hiện tượng này, hiện thời phiền phức ngày càng nghiêm trọng. Khoa học đổi mới khác lạ mỗi tháng, mỗi ngày, tạo ra những ảnh hưởng tiêu cực quá lớn. Đúng là “*được không bù nổi mất*”. Nhiều loạn tâm tình, chương ngại cuộc sống bình thường, tâm thái bình thường, tư duy bình thường của chúng ta. Ngày nay chúng ta tự bảo vệ chính mình ra sao? Tận hết sức giảm bớt những thứ này. Trước kia không có điện thoại, chẳng phải là cũng sống được hay sao? Hiện thời chẳng lẽ không có thứ ấy liền chẳng thể sống hay sao? Đâu có đạo lý ấy! Họ cứ phát minh, ta có quyền cự tuyệt, chẳng dùng đến nó. Trong cuộc sống hằng ngày, chỉ có người khác gọi điện thoại cho tôi, trước nay, tôi chẳng gọi điện thoại cho ai. Vì sao? Tôi chẳng muốn tạo tội nghiệp ấy: Dùng loại sóng điện này nhiễu loạn người khác, phải hiểu điều này. Người khác gọi tôi, tôi không có cách nào, chẳng thể không tiếp nhận. Nay thì khác hơn, có người khác nhận giùm tôi, tôi chẳng cần phải nghe nữa. Vì thế, nói chung phải nghĩ tới phương pháp bảo vệ chính mình. Tổ tiên đã ban cho người Trung Quốc ân huệ quá lớn. Ân huệ lớn nhất là phát minh ra văn tự. Văn tự là một phương tiện chuyển tải truyền thông. Văn tự Trung Quốc là phù hiệu trí huệ, quý vị không biết đọc cũng không sao. Trông thấy hình dạng của chữ, sẽ hiểu được ý nghĩa của nó. Đó là trí huệ. Trong văn tự ngoại quốc không có hiệu quả như thế. Phù hiệu trí huệ thì quý vị nhìn lâu sẽ khai ngộ. Chẳng thể sửa đổi văn tự ấy, chúng ta thiếu trí huệ như tổ tông thì làm sao có thể sửa đổi văn tự ấy?

Do vậy, phải luôn nghĩ “*bổn tánh bổn thiện*” (bản tánh vốn lành), bổn thiện là hiểu, đễ, trung, tín, chúng ta khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, tạo tác, trước hết có nghĩ sẽ xứng

với tổ tông hay không? Có xứng với cha mẹ hay không? Tâm hạnh ta chẳng lành, cha mẹ chẳng hoan hỷ, tổ tông chẳng thể tiếp nhận, vậy thì không thể làm như thế được! Chúng ta hành hiếu, hành đễ, “đễ” là tôn kính bề trên, tôn kính những người cùng hàng. Phải tôn kính những người cùng vai vế hoặc bậc trưởng bối, đó là đễ đạo, thực hiện từ “anh em yêu thương, hòa thuận”, cho đến yêu thương, nhường nhịn hết cả những người có cùng độ tuổi, vai vế với ta. Trung với nước nhà, trung với dân tộc, trung với xã hội, trung với lãnh đạo. Trung là gì? Chịu trách nhiệm. Con người nói năng phải giữ chữ tín, làm người nhất định phải giữ sự tín nhiệm, không nói dối, không nói đôi chiều, chẳng nói thêu dệt, chẳng ác khẩu, đều thuộc về chữ Tín này. Lễ, nghĩa, liêm, si, xử sự, đãi người, tiếp vật, chớ nên coi thường, thiếu sót lễ. Nghĩa là hợp tình, hợp lý, hợp pháp; liêm là liêm khiết, biết tiết kiệm là mỹ đức, quyết định chẳng lãng phí. Phải thường nghĩ thế gian này còn có rất nhiều kẻ khổ nạn, kẻ chẳng có cái ăn, cái mặc, chẳng có nhà cửa để ở rất nhiều. Dầu họ không ở trước mặt, nhưng thường nghĩ tới họ, hãy có duyên phận bèn tận tâm tận lực giúp đỡ họ, thường nghĩ đến người khác, phải mở rộng tâm lượng.

Xưa kia, tôi ở Tân Gia Ba, tôi và chín tôn giáo tại Tân Gia Ba đối xử với nhau hết sức hòa thuận. Bất luận tôn giáo nào cần giúp đỡ, chúng tôi cũng tự động ra tay giúp đỡ. Có một lần, có một nữ tu cho tôi biết: Người bên Phi Châu rất đáng thương, Thiên Chúa Giáo cử sang đó một đoàn chữa bệnh, hình như có ba bác sĩ, mấy người y tá sang đó giúp đỡ họ, bà ta kể với tôi tin ấy. Khi đó, tôi tặng năm vạn Mỹ Kim để họ thay tôi dùng làm phí tổn y tế, bổ thí thuốc men. Một tuần sau, bà ta lại gọi điện thoại cho tôi, cho biết bên đó giao thông vô cùng lạc hậu, rất khó khăn, có thể tặng một cái xe cứu thương hay không? Tôi nói được, tôi sẽ tặng cho bà một xe cứu thương. Các tín đồ Phật môn biết chuyện ấy đến chắt vấn tôi, họ nói: “Thưa pháp sư! Tiền của tín đồ chúng tôi kiếm chẳng dễ, có sao thầy lại lấy đem cho ngoại đạo?” Tôi hỏi: “Cái gì mà ngoại đạo?” [Họ đáp]: “Thầy cho tiền Thiên Chúa Giáo, chẳng phải là ngoại đạo ư?” Tôi hỏi ngược lại họ: “Chúng ta có muốn lập viện dưỡng lão hay không?” Muốn! “Có muốn lập cô nhi viện hay không?” Muốn! “Chúng ta có nên mở bệnh viện hay không?” Muốn! Người ta có bệnh khổ có cần phải cứu kẻ ấy hay không?” Phải! “Người ta đã phái một đội y tế đi cứu giúp, chúng ta đầu tư một chút, tặng một ít tiền cho họ, chúng ta đã có quyền cổ đông (shareholder) trong ấy, có sai lầm gì chẳng?” Họ mới thôi bắt bẻ, bỏ đi. Do vậy, bất luận kẻ nào làm một chuyện tốt, lợi ích xã hội, chính là chúng ta làm. Bản thân chúng ta không có sức, bèn sanh tâm hoan hỷ, khen ngợi kẻ ấy, hãy có sức thì tận tâm tận sức giúp đỡ họ, chuyện tốt mà! Cần gì cứ nhất định phải chính mình làm mới là chuyện tốt, người khác làm thì không phải, [có cách nghĩ như vậy tức là] tâm lượng quá nhỏ, đã trái phạm Tánh Đức. Bất luận kẻ nào làm chuyện tốt, đúng là chuyện tốt, ích lợi xã hội, có lợi cho chúng sanh khổ nạn, chúng ta phải nên giúp đỡ, chẳng bàn ra tán vào. Không có sức bèn hoan hỷ, tán thán, tuyên dương người ta. “*Tự hộ hiền đức*” [là như vậy đó].

Bốn chữ cuối trong mười hai chữ ấy là “*nhân ái, hòa bình*”, đó là đạt tới chỗ cùng cực. Mười hai chữ ấy giống như một tòa cao ốc có mười hai tầng, quý vị phải biết cội rễ ở chỗ nào? Cội rễ là hiếu, hiếu là tầng thứ nhất, đễ là tầng thứ hai, hòa bình là cao nhất. Nó có cội rễ, có cơ sở. Quý vị đọc kinh Vô Lượng Thọ và kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật của Tịnh Tông, câu đầu tiên trong Tịnh Nghiệp Tam Phước là “*hiếu dưỡng phụ mẫu*”, câu thứ hai là “*phụng sự sư trưởng*”, hiếu thảo cha mẹ, tôn trọng thầy là căn cơ học Phật. Không

có hai câu này, dầu học Phật tốt đẹp cách mấy, [vẫn là] thiếu cội rễ, làm sao có thành tựu cho được? Người Trung Quốc lập quốc đã năm ngàn năm trên mặt đất, cội rễ sâu chắc, đó là gì? Hiếu đễ. Mười hai chữ ấy đã được cày cấy trên đất bấu Trung Quốc năm ngàn năm, tuy hiện thời bị coi nhẹ, bỏ sót, căn bản có bị lay động hay không? Không có. Thí nghiệm của chúng tôi tại Thang Trì đã chứng thực. Chúng tôi vốn cho rằng phải mất từ hai đến ba năm thí nghiệm mới có thể thấy hiệu quả; không ngờ từ ba đến bốn tháng đã có hiệu quả rõ rệt, cho thấy căn bản vẫn còn. Đúng là thâm căn cố đế, con người hết sức dễ dạy. Một dải Mã Lai và Nam Dương tiếp xúc Trung Quốc, được văn hóa truyền thống của Trung Quốc hun đúc, tôi nghĩ ít nhất là một ngàn năm. Vì thế, nơi ấy cũng là phước địa, cũng là đất bấu. Đề ra mười hai hạng mục đức hạnh ấy, mọi người hoan nghênh, đấy là Tánh Đức.

Do vậy Hiền Hộ, phải hộ trì đức của chính mình là điều trọng yếu, những điều khác chẳng trọng yếu. Có thể hộ trì chính mình, sẽ có thể hộ trì người khác, đó là “*phục hộ chúng sanh*” (lại hộ trì chúng sanh). Thế nào là “hộ chúng sanh”? Giáo hóa chúng sanh. Giáo hóa nhất định phải bằng thân hành, ngôn giáo, chính mình không làm được, mà bảo người khác làm, người ta sẽ không tin. Ất phải chính mình làm được, quý vị mới có thể cảm hóa người khác, đó là “tự hành, hóa tha”, là ý nghĩa của hai chữ Hiền Hộ. Danh hiệu này bao quát hết thảy những đồng tu tại gia học Phật. Đây là tên của một người, đại diện cho hết thảy các vị tại gia học Phật, có ý nghĩa rất sâu. Ngài là đại diện chung, mười lăm vị kia đại diện [cho những đức] riêng biệt, còn vị này là tổng đại biểu. Tại gia còn phải khéo hộ trì tánh đức của chính mình, hưởng hồ xuất gia thì càng chẳng cần phải nói nữa. Chúng ta thấy chư Phật Như Lai, chư đại Bồ Tát, Thanh Văn, Duyên Giác, có ai chẳng học tập như vậy? Ai nấy đều có thể thành tựu chính mình, lợi ích chúng sanh.

Tiếp đó, sách viết: “*Hoặc vân Hiền Thủ*” (Hoặc còn gọi là Hiền Thủ). Ý nghĩa này xuất phát từ tiếng Phạn, Bạt Đà Bà La còn có nghĩa là Hiền Thủ. Hiền Thủ là “*chúng hiền chi thủ*” (đứng đầu trong các bậc hiền nhân), là gương mẫu, khuôn phép trong các vị Bồ Tát, có địa vị cao nhất trong đại chúng, nên gọi là Hiền Thủ. “*Dĩ vị cư Đẳng Giác*” (do Ngài thuộc địa vị Đẳng Giác), ở đây nói rõ ràng, minh bạch, thân phận gì vậy? Đẳng Giác Bồ Tát. Có cùng địa vị với Quán Thế Âm Bồ Tát, Đại Thế Chí Bồ Tát, Văn Thù, Phổ Hiền, Di Lặc Bồ Tát, các Ngài đều là Đẳng Giác Bồ Tát. Trong bốn mươi một đẳng cấp, Ngài thuộc đẳng cấp thứ bốn mươi một cao nhất. Vì thế, so với bốn mươi địa vị Pháp Thân Bồ Tát trước đó, địa vị của các Ngài cao nhất, Đẳng Giác cao nhất, nên là thủ tọa của họ, mang ý nghĩa này. “*Khả kiến Hiền Hộ Chánh Sĩ, nữ thị sanh u Vương Xá thành, vị đẳng Đẳng Giác chi tại gia Bồ Tát*” (Có thể thấy Hiền Hộ Chánh Sĩ thị hiện sanh trong thành Vương Xá, là vị tại gia Bồ Tát thuộc địa vị Đẳng Giác). Thật sự có vị này, thuở Thích Ca Mâu Ni Phật tại thế, hàng tại gia học Phật cũng chứng đắc địa vị Đẳng Giác. Đầu thời Dân Quốc, người sáng lập Chi Na Nội Học Viện là Âu Dương Cán Vô đại sư, người đời sau tông xưng ông ta là “đại sư”, chứ ông ta là tại gia cư sĩ. Tuy thời gian hoạt động của Chi Na Nội Học Viện không dài, chỉ có hai năm, nhưng hai năm ấy thật sự có công đức, kéo dài huệ mạng của Phật pháp. Đầu thời Dân Quốc, những đại cư sĩ tại gia, như cư sĩ Giang Vị Nông và hàng xuất gia, ngay cả pháp sư Thái Hư, pháp sư Thái Hư là học sinh dự thính trong Nội Học Viện, cư sĩ Vương Ân Tường², những vị đại đức trú danh ấy đều xuất thân

2 Cư sĩ Vương Ân Tường (1897-1964) là người huyện Nam Sung, Tứ Xuyên, có tên tự là Hóa Trung. Ông học Duy Thức với Âu Dương Cán Vô và được coi là đệ tử nhập thất. Năm 1925, đảm nhiệm dạy Duy

từ Phật Học Viện. Ông ta (Âu Dương Cán Hộ) nói rất rõ ràng, Phật pháp là sư đạo, sư đạo là giáo dục. Ông ta có lần giảng diễn, phát biểu vào năm Dân Quốc thứ mười hai (1923) tại Đệ Tứ Trung Sơn Đại Học, lần giảng diễn ấy đã chấn động toàn quốc vào thời đó. Đề tài giảng diễn là “*Phật pháp không phải là tôn giáo hay triết học, mà là nhu cầu tất yếu cho hiện thời*”, đề tài giảng diễn như vậy. Đệ Tứ Trung Sơn Đại Học nay là đại học sư phạm Nam Kinh, ở ngay thành phố Nam Kinh. Đã là sư đạo thì trong giáo học thầy lớn nhất, tôn sư, trọng đạo, hiếu dưỡng cha mẹ, phụng sự sư trưởng. Học trò chẳng có tâm tôn kính thầy, sẽ chẳng học được gì. Đúng như Ân Quang đại sư đã nói: “*Một phần thành kính được một phần lợi ích, mười phần thành kính được mười phần lợi ích*”. Thầy dạy quý vị, quý vị có thể đạt được bao nhiêu chẳng do thầy, mà do tâm cung kính của chính mình. Quý vị có thể đạt được bao nhiêu sẽ tỷ lệ thuận với tâm cung kính của chính mình, đạo lý như thế đó!

Đặc biệt nói rõ, quý vị học Phật, thầy là lớn nhất. Tôi là người xuất gia, thầy tôi là tại gia, hãy nhớ, thầy là người lớn nhất, thấy thầy phải đánh lễ ba lạy giống như thấy Phật. Thầy là cư sĩ, xác thực như thế. Trong thời đại này, chừng hơn tám mươi năm trước, ông ta đã nói ra câu ấy. Thuở Thích Ca Mâu Ni Phật tại thế đã biểu diễn cho chúng ta thấy. Chúng ta chỉ biết Thích Ca Mâu Ni Phật, còn có một vị Phật tại gia, nhưng mọi người quên khuấy. Thân phận [của vị thầy] tại gia ấy và địa vị của Thích Ca Mâu Ni Phật giống nhau, tại gia Phật là cư sĩ Duy Ma Cật, cùng thời đại với Thích Ca Mâu Ni Phật. Hai vị Phật đồng thời, một tại gia, một xuất gia. Quý vị thấy học trò của Thích Ca Mâu Ni Phật, chúng ta xem kính thầy gần như mỗi bộ kinh đều có hai vị là Xá Lợi Phất và Mục Kiền Liên, Xá Lợi Phất tượng trưng trí huệ đệ nhất, Mục Kiền Liên tượng trưng thần thông đệ nhất. Cư sĩ Duy Ma giảng kinh, Thích Ca Mâu Ni Phật sai hai người học trò ấy đi nghe kinh. Họ trông thấy cư sĩ Duy Ma, vừa đánh lễ ba lạy, vừa đi nhiễu ba vòng theo chiều phải, lễ tiết hoàn toàn giống như gặp A Di Đà Phật. Đức Phật từ bi, vào lúc ấy diễn xuất cho chúng ta thấy, dạy người đời sau chúng ta biết tôn sư trọng đạo, đặc biệt dạy người xuất gia: Tại gia có người tu hành khai ngộ, minh tâm kiến tánh, đắc đạo, chứng quả! Họ đạt tới địa vị ấy, chính là Phật, chính là thầy. Chúng ta đối với người ấy cung kính giống như đối với Phật, chớ nên hạ thấp, khinh dễ người ấy; nếu làm như vậy thì đã hoàn toàn sai mất rồi!

Trong lần diễn giảng ấy, Âu Dương đại sư đã nói rất rõ ràng, minh bạch. Tuy vậy, chúng tôi là hàng hậu sanh, lần diễn giảng phát biểu ấy, tôi còn chưa ra đời. Tôi sanh năm Dân Quốc 16 (1927), ông ta giảng diễn vào năm Dân Quốc 12 (1923). Chúng tôi đọc bài diễn thuyết, hiểu dụng ý của ông ta: Người xuất gia phải học khiêm hư. Tại gia cư sĩ có đức năng, tu hành tốt đẹp hơn ta thì ta phải nên trông lòng học tập người ấy, coi người ấy là thầy thì mới có thể thành tựu chính mình. Do vậy, trong bộ kinh này, càng hiển thị thâm ý ấy. Quý vị thấy đối với hàng xuất gia Bồ Tát chỉ nêu ra ba vị, tại gia Bồ Tát nêu lên mười sáu vị. Mười sáu vị này hoàn toàn bình đẳng với ba vị trước, đều là Đẳng Giác Bồ Tát. Bởi lẽ, thuở Phật tại thế, quả thật có Hiền Hộ Chánh Sĩ sanh tại thành Vương Xá, là tại gia Bồ Tát đã chứng địa vị Đẳng Giác, trên thực tế đều là tại gia Phật. Ngài Duy Ma đại diện cho

Thức tại Chi Na Nội Học Viện. Năm 1942 sáng lập Đông Phương Văn Giáo Nghiên Cứu Viện, kể từ năm 1957 ông dạy học tại Phật Học Viện Trung Quốc. Ông sở trường về Duy Thức, các tác phẩm Nhiếp Đại Thừa Luận Sớ, Duy Thức Thông Luận, Tâm Kinh Thông Giải, Phật Học Thông Luận, Nhân Sinh Học, Khởi Tín Luận Liệu Giản của ông được đánh giá rất cao.

tại gia Phật, thuộc địa vị Diêu Giác. Vì thế, tại gia có thể tu hành thành Bồ Tát, thành Phật. Đó chính là như Quán Thế Âm Phổ Môn Phẩm đã nói: “*Nên dùng thân gì để độ được bèn hiện thân ấy*”. Đặc biệt là trong thời đại hiện tại, hiện thân làm người tại gia giáo hóa chúng sanh dễ dàng, so với người xuất gia dễ dàng hơn nhiều. Tại gia có thể kinh doanh các thứ sự nghiệp khác nhau, có thể khởi tác dụng xưởng suất trong các nghề nghiệp khác nhau, đó chính là ý nghĩa của Hiền Thủ.

Chúng ta lại xem lời khai thị của cụ Hoàng Niệm Tổ kể đó: “*Nhược án kim kinh biệt ý*” (Nếu xét theo ý riêng trong kinh này), kinh này là kinh Vô Lượng Thọ, chuyên giảng pháp môn Tịnh Tông, dạy chúng ta niệm Phật đời nghiệp vãng sanh. Dựa theo bộ kinh này để thấy ý nghĩa của giảng tòa lần này. “*Cứ Ban Châu Tam Muội Kinh*” (theo kinh Ban Châu Tam Muội), trong kinh Ban Châu Tam Muội có một đoạn như thế này: “*Thử Bạt Đà Hòa*” (ông Bạt Đà Hòa này), có cùng ý nghĩa với âm tiếng Phạn Bạt Đà Bà La trong phần trước, chỉ là phiên dịch khác nhau, âm đọc cũng không sai biệt cho lắm. Bạt Đà Bà La và Bạt Đà Hòa chẳng khác nhau lắm, đều có nghĩa là Hiền Hộ. Bạt Đà Hòa Bồ Tát, “*thị Niệm Phật tam-muội phát khởi nhân*” (là người phát khởi Niệm Phật tam-muội), quý vị thấy Ngài tu gì? Ngài chuyên tu Tịnh Độ, là người khởi đầu Niệm Phật tam-muội, thưở đức Phật tại thế, “*thân kiến Di Đà*” (đích thân thấy Phật Di Đà), Ngài đã thấy A Di Đà Phật. Kinh chẳng nói rõ sự đích thân trông thấy ấy là thấy trong Định, hay thấy trong mộng, có lúc quả thật đang trong lúc hoàn toàn tỉnh táo mà thấy, đích thân thấy Phật Di Đà. “*Kim cố lai thử thắng hội, trợ hiển Niệm Phật tam-muội vô thượng pháp môn*” (nay đến hội thù thắng này để giúp hiển thị pháp môn Niệm Phật tam-muội vô thượng). Ngài hiện diện trong hội này, lại còn được kể tên đầu tiên, chúng ta biết hội này giảng điều gì? Giảng niệm Phật bậc nhất. Ngài là người phát khởi Niệm Phật tam-muội, biểu thị niệm Phật bậc nhất. Ngài được kể tên đầu tiên trong đại hội, pháp hội lần này nhằm giảng niệm Phật là bậc nhất, biểu thị ý nghĩa này.

Vị Bồ Tát thứ hai, tức vị tại gia Bồ Tát thứ hai, “*Thiện Tư Duy Bồ Tát, Đường dịch vi Thiện Tư Duy Nghĩa Bồ Tát*” (Thiện Tư Duy Bồ Tát, bản dịch đời Đường ghi là Thiện Tư Duy Nghĩa Bồ Tát), bản dịch đời Đường nằm trong kinh Đại Bảo Tích. Trong Vô Lượng Thọ Như Lai Hội của kinh Đại Bảo Tích, danh xưng của Ngài được phiên dịch là Thiện Tư Duy Nghĩa Bồ Tát. “*Ngụy dịch*”, bản dịch đời Ngụy là bản được lưu hành phổ biến nhất tại Nhật Bản. Các đại đức Nhật Bản vào thời cổ đọc kinh Vô Lượng Thọ quá nửa dùng bản này, tức bản dịch của ngài Khang Tăng Khải. “*Ngụy*” ở đây là nhà Tào Ngụy trong thời đại Tam Quốc. “*Án Tứ Đồng Tử Kinh Hiện Sanh Phẩm*” (xét theo phẩm Hiện Sanh trong Tứ Đồng Tử Kinh³), trong kinh ấy có giới thiệu, “*Thiện Tư Duy đẳng Chánh Sĩ, thị tha phương thế giới lai thử thị hiện chi tại gia Bồ Tát*” (các vị Chánh Sĩ như Thiện Tư Duy v.v... từ thế giới phương khác đến cõi này thị hiện làm hàng tại gia Bồ Tát), vị Bồ Tát này không thuộc thế giới Sa Bà, mà là khách, từ thế giới phương khác đến, cũng đến tham gia pháp hội lần này, hiển thị sự thù thắng của pháp hội lần này, cảm động các Bồ Tát ở những thế giới phương khác đến tham dự.

³ Bản kinh này có tên gọi đầy đủ là Tứ Đồng Tử Tam Muội Kinh do ngài Xà Na Quật Đa dịch vào đời Tùy, ba quyển, chính là một bản dịch khác của sáu phẩm đầu kinh Phương Đẳng Bát Nê Hoàn Kinh. Trong kinh này, đức Phật sắp nhập diệt tại thành Câu Thi Na, đã giảng đạo Niết Bàn cho A Nan, A Nậu Lô Đà và bốn vị đại Bồ Tát tại gia.

“*Kinh vân: Đông phương khứ thử Phật sát thập thiên câu-chi, hữu nhất thế giới danh Bảo Minh*” (kinh dạy: “Từ phương Đông của cõi Phật này đi qua mười ngàn câu chi cõi Phật, có một thế giới tên là Bảo Minh”). Thế giới này của chúng ta gọi là Sa Bà, mỗi thế giới có một vị Phật giáo hóa trong ấy. Mỗi thế giới là khu vực giáo hóa của một vị Phật. “*Phật danh Sư Tử Minh Thanh Như Lai. Hữu nhất Bồ Tát danh Thiện Tư Nghị*” (Phật hiệu là Sư Tử Minh Thanh Như Lai, có một Bồ Tát tên là Thiện Tư Nghị), đây chính là ngài Thiện Tư Duy đang được nói đến ở đây. “*Ứng thác lai đáo thử độ, hóa sanh A Xà Thế vương cung nội*” (thác sanh đến cõi này, hóa sanh trong cung vua A Xà Thế), Ngài đến thế giới này để đầu thai, sanh trong cung vua A Xà Thế. Đây gọi là Ứng Thân, chẳng phải là Hóa Thân, ứng hóa trong thế gian này, là Bồ Tát từ phương khác đến. Danh hiệu Thiện Tư Nghị và Thiện Tư Duy có ý nghĩa giống nhau, nói rõ ý niệm và tâm thái của Bồ Tát thuần tịnh, thuần thiện. Thiện ở đây chẳng phải là thiện trong “thiện - ác”, mà có ý nghĩa giống như câu “*nhân tánh bốn thiện*” trong Tam Tự Kinh, thiện là như vậy đó. Thiện trong “thiện - ác” có trình độ rất thấp, trong lục đạo có thiện - ác; ra khỏi lục đạo, thiện - ác chẳng còn, thiện - ác không có thì mới gọi là Tịnh Độ. Vì vậy, họ (những người đã thoát khỏi lục đạo) có nhiễm và tịnh, chẳng có thiện và ác. So với lục đạo để nói, [cảnh giới] họ [an trụ] là Tịnh Độ, lục đạo là nhiễm ô. Thiện ở đây còn cao hơn [so với Thiện trong] Tịnh Độ, trong Phật pháp gọi cảnh giới ấy là cõi Thật Báo Trang Nghiêm của chư Phật Như Lai, đây mới là chân thiện. Do các Ngài (các vị Bồ Tát thuộc nhóm Hiền Hộ Bồ Tát) là Đẳng Giác Bồ Tát, nhất định thuộc vào tầng bậc cao nhất, nên chúng ta không thể dùng định nghĩa [về Thiện] trong lục đạo phạm phụ để giải thích, [nếu hiểu theo ý nghĩa so sánh với lục đạo phạm phụ] sẽ là sai lầm!

Tiếp đó nói: “*Nam phương khứ thử ngũ bách ức thế giới, hữu nhất thế giới, Phật danh Bảo Tích Thiện Hiện Như Lai, hữu nhất Bồ Tát danh Tịch Tĩnh Chuyển*” (Nơi phương Nam cách đây năm trăm ức thế giới có một thế giới, Phật hiệu Bảo Tích Thiện Hiện Như Lai, có một vị Bồ Tát tên là Tịch Tĩnh Chuyển), đây chính là ngài Huệ Biện Tài được nhắc đến trong kinh này, Huệ Biện Tài được gọi là Tịch Tĩnh Chuyển [trong kinh Tứ Đồng Tử]. “*Ư thử Xá Vệ thành nội, sanh đại cư sĩ Tụ Sư Tử gia. Tây Phương khứ thử quá bát ức bách thiên Phật sát, Lạc Âm Như Lai sở, hữu nhất Bồ Tát danh Vô Phan Duyên*” (trong thành Xá Vệ này, sanh trong nhà cư sĩ Tụ Sư Tử. Ở phương Tây, cách khỏi đây tám ức trăm ngàn cõi Phật, ở chỗ đức Lạc Âm Như Lai có một vị Bồ Tát tên Vô Phan Duyên), [Vô Phan Duyên] chính là ngài Quán Vô Trụ đang được nói đến ở đây. “*Ư thử Ba La Nại quốc, hóa sanh đại cư sĩ Thiện Quý gia. Bắc phương khứ thử lục vạn tứ bách thiên ức Phật độ, trụ Bồ Đề Phần Chuyển Như Lai sở, hữu nhất Bồ Tát danh Khai Phu Thần Đức*” (hóa sanh vào nhà đại cư sĩ Thiện Quý trong nước Ba La Nại này. Về phương Bắc, cách đây sáu vạn bốn trăm ngàn ức cõi Phật, ở chỗ đức Trụ Bồ Đề Phần Chuyển Như Lai có một vị Bồ Tát tên là Khai Phu Thần Đức), [Khai Phu Thần Đức] chính là ngài Thần Thông Hoa đang được nói đến ở đây. “*Sanh thử Tỳ Da Ly thành đại tướng Sư Tử gia. Thử tứ đồng tử dĩ vô lượng đại chúng, cộng lai Sa La Song Thọ sở, cung kính cúng dường*” (sanh trong nhà đại tướng Sư Tử của thành Tỳ Gia Ly này. Bốn đồng tử này cùng với vô lượng đại chúng đến rừng Sa La Song Thọ cung kính cúng dường). Đây là ghi chép về các vị Bồ Tát ở phương khác, các Ngài là Đẳng Giác Bồ Tát nơi phương khác, có duyên rất sâu với Thích Ca Mâu Ni Phật, hiện thị điều thường được nói trong kinh: “*Một vị Phật xuất thế, ngàn vị Phật ủng hộ*”. Mọi người thấy Thích Ca Mâu Ni Phật đến quả địa cầu này thị hiện thành Phật độ

chúng sanh, chư Phật Như Lai, Đẳng Giác Bồ Tát có duyên phận sâu đậm với Thích Ca Mâu Ni Phật thấy đều theo đến. Thích Ca Mâu Ni Phật giáng sanh tại nước Ca Tỳ La Vệ, trong vương cung của đại vương Tịnh Phạn, những vị ấy mỗi vị tìm một chỗ, đều cùng giáng sanh, dùng đủ thứ thân phận bất đồng, có vị là thân phận Bồ Tát, có vị là thân phận Thanh Văn, có vị là thân phận Duyên Giác, có vị mang thân phận xuất gia, có vị mang thân phận tại gia, cũng có vị mang thân phận quốc vương, đại thần, đủ mọi thân phận khác biệt đến hộ trì Thích Ca Mâu Ni Phật. Mọi người đến diễn một vở tuồng, Thích Ca Mâu Ni Phật đóng vai chánh, các vị kia đều đóng vai phụ, khiến cho vở tuồng được diễn viên mãn, biểu diễn sống động, hoạt bát, vì sao? Để giáo hóa chúng sanh. Ở đây, chúng ta thấy điều gì? Hòa hài, chẳng ghen ghét, chẳng tranh danh đoạt lợi. Ai làm người cầm đầu, lãnh đạo cũng được, cũng hoan hỷ, chúng ta phải học điều này. Mục tiêu và phương hướng chung chỉ có một, mong mỗi giúp cho những chúng sanh mê hoặc, còn chưa giác ngộ phá mê khai ngộ, lìa khổ được vui, nhắm tới mục tiêu này. Mục tiêu và phương hướng giống nhau, nên mọi người đều cùng đến. Mấy vị này thường được đức Phật nhắc tới trong kinh điển, lại còn là những vị cư sĩ tu hành chứng quả, cũng rất nổi tiếng tại Ấn Độ thuở ấy, hẳn nhắc tới mọi người đều biết.

Lại xem tiếp: “*Hựu thư hạ Quang Anh Bồ Tát đẳng tứ Chánh Sĩ, như Phật Danh Kinh đệ thất thuyết, Quang Anh, Huệ Thượng*” (Thêm nữa, bốn vị Chánh Sĩ như Quang Anh Bồ Tát v.v... tiếp theo đó như quyển bảy kinh Phật Danh⁴ có nói: Quang Anh, Huệ Thượng), Huệ Thượng ở đây là Trí Thượng. “*Tịch Căn, Nguyệt Huệ tứ Bồ Tát, tòng tứ phương Phật độ lai tập thử giới chi tướng*” (Tịch Căn, Nguyệt Huệ, bốn vị Bồ Tát, từ cõi Phật ở bốn phương nhóm đến cõi này), hóa thân đến! Trong phần trước, ta thấy Ứng Thân, đến thế gian này đầu thai, gọi là Ứng Thân, hoặc là Hóa Thân. “*Hựu Văn Thù Sư Lợi Nghiêm Tịnh Kinh diệc thuyết, thử tứ Chánh Sĩ tòng tứ phương lai, đồng thượng sở thuyết*” (Hơn nữa, kinh Văn Thù Sư Lợi Nghiêm Tịnh cũng nói bốn vị Chánh Sĩ này từ bốn phương đến, giống như trong kinh Tứ Đòng Tử đã nói). Cũng có thể nói là trong kinh, đức Phật cũng đã nhiều lần giới thiệu các vị này. “*Hựu Nguyệt Đẳng Tam Muội Kinh đệ tam thuyết: - Hương Tượng Bồ Tát tòng Đông phương A Súc Phật, dữ na-do-đa Bồ Tát, cộng lai vấn tán Thích Ca Mâu Ni Phật*” (Kinh Nguyệt Đẳng Tam Muội, quyển thứ ba lại nói: “Hương Tượng Bồ Tát từ cõi của A Súc Phật ở phương Đông cùng với na-do-đa (na-do-tha) Bồ Tát cùng đến chào hỏi Thích Ca Mâu Ni Phật”). Trong mười sáu vị trên đây, ngài Hương Tượng xếp thứ mười hai. Ngài từ cõi của Đông phương A Súc Phật, là đệ tử của A Súc Phật, dẫn theo rất nhiều người. Chúng ta thường dịch Na-do-đa (Nayuta) là Vô Số, số lượng nhiều lắm. Ngài dẫn theo Bồ Tát nhiều dường ấy, cùng nhau thưa hỏi Thích Ca Mâu Ni Phật, sau khi chào Thích Ca Mâu Ni Phật, bèn thỉnh an Thích Ca Mâu Ni Phật. “*Dĩ thượng Hiền Hộ đẳng nhất trục đảo Hương Tượng*” (Trên đây, từ Hiền Hộ cho đến Hương Tượng Bồ Tát), tổng cộng là mười vị. “*Kỳ dư lục nhân như Chân Giải vân*” (còn sáu vị kia thì như sách Chân Giải nói), Chân Giải là chú giải kinh Vô Lượng Thọ của pháp sư Đạo Ân người Nhật, bản chú giải ấy có tên là Chân Giải. Trong Tịnh Tông Nhật Bản, Sư

⁴ Kinh Phật Danh có tên đầy đủ là Phật Thuyết Phật Danh Kinh, gồm mười hai quyển, do ngài Bồ Đề Lưu Chi dịch vào thời Nguyên Ngụy. Do trong kinh liệt kê hơn một vạn vị Phật (khoảng chừng 11.093 vị Phật), đồng thời liệt kê thêm danh hiệu của vài trăm vị Bích Chi Phật và Bồ Tát, nên bản dịch tiếng Việt ghi là kinh Vạn Phật.

hết sức nổi tiếng, bản chú giải của Sư cũng được truyền đến Trung Quốc. Do vậy, tổ sư đại đức của Tịnh Tông Trung Quốc cũng tham khảo bản chú giải của Sư, đây là bản chú giải kinh Vô Lượng Thọ hay khéo, rất nổi tiếng. “*Kỳ du Trí Tràng*” (ngoài ra, Trí Tràng), tức là Bảo Tràng. “*Bảo Anh, Trung Trụ, Chế Hạnh, Giải Thoát đấng*” (Bảo Anh, Trung Trụ, Chế Hạnh, Giải Thoát v.v...), mấy vị này, “*tuy vị kiến kinh chứng*” (tuy chưa thấy kinh văn khác để làm chứng), khi đức Phật nói kinh, chẳng nhắc đến tên các Ngài, nhưng trong kinh Vô Lượng Thọ này, đức Phật đã nói đến. “*Chuẩn tiền tư chi*” (chuẩn theo những điều trên đây để suy luận), chúng ta dùng tiêu chuẩn phía trước cũng có thể biết, “*tất ưng thị tha phương lai đại sĩ dã*” (nhất định là các đại sĩ từ phương khác đến), nhất định phải là từ thế giới phương khác đến đây, tham gia một lần hoạt động của Thích Ca Mâu Ni, tức đại hội kinh Vô Lượng Thọ. “*Án Chân Giải sở chú thị Ngụy dịch*” (Xét ra, sách Chân Giải dùng bản dịch đời Ngụy để chú giải), tức bản của ngài Khang Tăng Khải, bản dịch của ngài Khang Tăng Khải rất nổi tiếng tại Nhật Bản. “*Ngụy dịch căn liệt thập ngũ Chánh Sĩ chi danh*” (bản Ngụy dịch chỉ kể tên mười lăm vị Chánh Sĩ), ở đây là mười sáu vị, bản Ngụy dịch chỉ có mười lăm, kể tên mười lăm vị. “*Kỳ trung khuyết Huệ Biện Tài Bồ Tát, thử Bồ Tát kiến u Đường dịch. Chân Giải dĩ vi Tín Huệ tức Huệ Biện Tài*” (trong ấy, thiếu Huệ Biện Tài Bồ Tát, vị Bồ Tát này thấy ghi trong bản dịch đời Đường. Sách Chân Giải cho rằng Tín Huệ chính là Huệ Biện Tài). Hiện thời, Tín Huệ và Huệ Biện Tài tách thành hai người, chia ra làm hai người, nên mới “*hợp thập lục chi số*” (gộp thành con số mười sáu). Vì mười sáu nhằm biểu thị pháp trong Mật Tông, mười sáu tượng trưng cho sự viên mãn, chẳng phải là con số thật sự, mà nhằm biểu thị pháp. “*Cố tri Tín Huệ Bồ Tát diệc ưng như Bảo Tràng đấng Chánh Sĩ, diệc thị tha phương lai giả*” (Nên biết Tín Huệ Bồ Tát cũng giống các vị Chánh Sĩ như Bảo Tràng v.v... cũng từ phương khác đến). Ngài chẳng phải là Bồ Tát trong thế giới Sa Bà, mà thuộc vào số những vị Bồ Tát ở phương khác đến tham dự pháp hội lần này.

“*Chân Giải u thử, cánh hữu xiển minh*” (Đối với điều này, sách Chân Giải càng giảng rõ). Ở đây, có trích lục đoạn văn trong sách Chân Giải: “*Văn viết: Sơ liệt Hiền Hộ đấng thập lục Chánh Sĩ giả, chương thử pháp bất dĩ xuất gia phát tâm vi bản*” (Nguyên văn: “Đầu tiên nêu lên nhóm Hiền Hộ mười sáu vị Chánh Sĩ để chỉ rõ pháp này chẳng lấy phát tâm xuất gia làm gốc”). Chương (彰) là hiển thị (nêu rõ, chỉ rõ), chương minh (tỏ bày rõ ràng) pháp môn này chẳng lấy phát tâm xuất gia làm căn bản, mà cũng chẳng phải chủ yếu vì họ (người xuất gia) mà nói. “*Thử liệt tha phương lai giả, chương thập phương Phật độ trung, tất dĩ thử pháp vi xuất thế đại sự cố, cộng lai tinh tấn cầu thử pháp. Thử nghị thậm đặc kinh chỉ*” (Kể đến, nêu ra các vị đến từ phương khác, ngụ ý: Trong các cõi Phật khắp mười phương đều dùng pháp này làm đại sự xuất thế, cùng tinh tấn đến cầu pháp này. Lời bàn định ấy rất phù hợp với tông chỉ của kinh). Không lấy xuất gia thì lấy gì làm gốc? Lấy tại gia làm gốc. Đặc biệt trong chín ngàn năm về sau trong thời Mật Pháp của Thích Ca Mâu Ni Phật, có thể là người xuất gia càng ngày càng ít, kẻ tại gia tu hành ngày càng đông. Người tại gia tu hành tu pháp môn nào đạt thành tựu? Pháp môn này! Chắc chắn thành tựu. Những vị tại gia Bồ Tát này thị hiện, chứng minh tại gia có thể thành Phật, có thể thành Đẳng Giác, các Ngài đến làm mẫu, khiến cho quý vị sanh khởi tín tâm. Sách Chân Giải nói kiểu này rất tương ứng với tông chỉ của kinh. Tiếp theo là “*cái tại gia tu hành, tối nghi trì danh niệm Phật dã*” (vì tu hành tại gia thì trì danh niệm Phật là thích hợp nhất). Đầu tiên là ngài Hiền Hộ nêu gương cho chúng ta. “*Thập phương đại sĩ tất lai thỉnh*

pháp, biểu thứ pháp thù thắng, thật vi đại sự nhân duyên cố” (mười phương đại sĩ ắt đều đến nghe pháp, biểu thị pháp này thù thắng, thật sự là đại sự nhân duyên). Đại sự là liễu sanh tử, thoát tam giới, chứng Bồ Đề, đắc đại quả; đây là đại sự nhân duyên.

Kể đó, Hoàng lão cư sĩ nghị luận: “*Hựu Hiền Hộ biểu Như Lai thiện hộ niệm chư Bồ Tát*” (lại nữa, Hiền Hộ biểu thị Như Lai khéo hộ niệm các Bồ Tát). Quả thật danh hiệu có ý nghĩa này. Như Lai có hai ý nghĩa, nói theo Lý là tự tánh. Tư tưởng và ngôn hạnh của con người tương ứng với tánh đức, thì trí huệ và đức tướng trong tự tánh sẽ thường hiện tiền; vì sao? Tâm tâm tương ứng, hết thấy các pháp sanh từ tâm tướng; kinh Hoa Nghiêm nói “tâm hiện, thức biến”. Tự tánh có thể nâng cao năng lượng, nó là căn cứ lý luận để nâng cao cảnh giới của chúng ta, đây là ý nghĩa thứ nhất. Thứ hai, Như Lai là Thích Ca Mâu Ni Phật, là A Di Đà Phật, là những vị đã tu hành chứng đắc địa vị Diệu Giác. Ý thức của chúng ta chính là “niệm đầu” (ý niệm), ý niệm chẳng thể nghĩ bàn. Từ Hoàn Nguyên Quán, chúng ta thấy: Bất luận hữu tâm hay vô tâm, ý niệm là dao động. Dao động hết sức yếu ớt, nhưng tốc độ của nó quá nhanh, chẳng khởi dao động thì thôi, hễ dao động dấy lên, lập tức trọn khắp pháp giới. Chúng ta chẳng có cách nào tưởng tượng chuyện này, không ngờ các nhà khoa học Lượng Tử hiện thời đã phát hiện, họ nói hết sức gần gũi với cách giảng của Thích Ca Mâu Ni Phật, họ nói sự dao động ấy cũng trọn khắp pháp giới. Đã là trọn khắp pháp giới, chư Phật Như Lai trong mười phương pháp giới đều nhận được tin tức ấy. Đã nhận được, há lẽ nào chẳng gia trì? Như vậy thì tin tức phát ra là Cảm, chư Phật, Bồ Tát hồi đáp là Ứng; cảm ứng đạo giao chẳng thể nghĩ bàn. Tôi tin tưởng chắc chắn là trong vòng năm năm, Lượng Tử Lực Học sẽ rất phổ biến, đây là chuyện tốt, sẽ khiến cho người bình phàm chúng ta sanh khởi tín tâm khôn sánh. Trên địa cầu có lắm tai nạn như vậy, có thể hóa giải những tai nạn ấy hay không? Có thể! Lượng Tử Học đã trao cho chúng ta lý luận, lý luận ấy ở ngay trong kinh Đại Thừa, từ ba ngàn năm trước Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói tới rồi. Xưa nay đều nói như vậy, có thể thấy điều ấy là thật, chẳng giả. Vì thế, chỉ cần thay đổi ý niệm, vấn đề bèn được giải quyết.

Bởi lẽ, vào nửa sau năm ngoái, tôi xem đĩa CD của bà Lưu Tố Vân. Đó là [một đĩa ghi lại] cuộc săn tin của một ký giả báo chí, chẳng nhằm điều tra bà ta. Người ấy đi săn một tin khác ở miền Đông Bắc, nghe có chuyện lạ lùng như thế này: Một người mắc chứng Hồng Ban Lang Sang nghiêm trọng ngàn ấy, nghiêm nhiên không cần thuốc men, cũng chẳng tiêm thuốc, do niệm Phật mà lành bệnh. Cảm thấy lạ lùng, bèn đến phỏng vấn bà ta. Tôi xem cuộc phỏng vấn được ghi hình nửa giờ, đó là gì? Ý niệm, hoàn toàn tương ứng với cách nói của Phật và của các nhà Lượng Tử Lực Học. Bệnh tật nặng nề ngàn ấy, bà ta chẳng bận tâm. Chư vị phải biết, nếu nhiễm bệnh, thường bận tâm về căn bệnh, sẽ rất khó lành, cuối cùng là một con đường chết mà thôi! Người chẳng có bệnh tật, cơ thể rất khỏe mạnh, thường nghĩ chỗ này đau, chỗ kia nhức, chắc chắn sẽ sanh bệnh! Hết thấy các pháp sanh từ tâm tướng, quý vị nghĩ đến bệnh tật mỗi ngày, làm sao chẳng thể không ngã bệnh? Trong quá khứ, tôi có một người bạn, là bạn xuất gia. Thầy ấy xuất gia từ nhỏ, bị quân đội bắt làm lính, không có cách nào khác! Do vậy, theo quân đội đến Đài Loan, thầy ấy mong thoát khỏi quân ngũ để tiếp tục cuộc sống xuất gia. Làm cách nào đây? Tuổi quá trẻ, mỗi ngày bèn nghĩ mình bị bệnh tim nặng. Thầy ấy nghĩ như thế chưa đầy một năm, quả thật, khám sức khỏe thấy bị bệnh tim. Do vậy, [quân đội] cho giải ngũ, thoát khỏi quân đội, nhưng bệnh tim cả đời chẳng lành, hại thầy ấy suốt đời, từ tâm tướng sanh đấy mà! Khi ấy,

chúng tôi tuổi trẻ, chẳng biết đạo lý này trong Phật pháp. Nếu biết đạo lý này, khuyên bảo thầy ấy, hãy khôi phục ý niệm bình thường, chẳng còn nghĩ bị bệnh tim nữa, hằng ngày nghĩ đến A Di Đà Phật, bệnh tim sẽ chẳng còn, bệnh sẽ chẳng đeo theo nữa! Tâm tướng sự thành! Mỗi ngày nghĩ tới A Di Đà Phật, trong tương lai quý vị sẽ làm Phật! Mỗi ngày nghĩ tới bệnh tật, chắc chắn quý vị sẽ bị bệnh nặng. Phải hiểu đạo lý này!

Thuở trước, tôi ở Mỹ, rất ít bị bệnh, có một lần bị cảm, đi bác sĩ, bác sĩ là người Hoa, nói chuyện với tôi cũng rất hợp ý. Có một ngày tôi bảo ông ta: “Bệnh lành không phải do thầy thuốc chữa lành”. Ông ta rất kinh ngạc, hỏi vì sao? Tôi nói: “Niềm tin chiếm tới bảy mươi phần trăm, bác sĩ [chữa trị] chiếm ba mươi phần trăm. Người bệnh tin tưởng bác sĩ, bác sĩ tin tưởng người bệnh, bệnh ấy rất dễ chữa lành, tin tâm mà! Nếu bác sĩ hoài nghi người bệnh, người bệnh cũng nghi ngờ bác sĩ, nghi ngờ thuốc thang, bệnh ấy chỉ có nặng thêm, chẳng thể bình phục tốt đẹp được!” Ông ta nghe xong, cảm thấy rất có lý. Đúng là như vậy, chẳng sai chút nào! Tín tâm làm chủ tể hết thầy, giống như hiện thời các nhà Lượng Tử Lực Học rất khẳng định bảo chúng ta: Ý niệm, năng lượng chẳng thể nghĩ bàn, ý niệm làm chủ tể hết thầy. Thậm chí ý niệm có thể thay đổi quỹ đạo của tinh cầu trong vũ trụ, có năng lượng to lớn như thế. Bản thân mỗi cá nhân đều có ý niệm, nhưng vấn đề là phải tập trung, sức mạnh mới lớn. Ý niệm của chúng ta phân tán, suốt ngày suy nghĩ loạn xạ, nên sức mạnh của nó cũng rất yếu ớt; do vậy, tu Định, Định là gì? Định là tập trung ý niệm. Quý vị thấy trong kinh Di Giáo, đức Phật đã nói: “*Chế tâm nhất xứ, vô sự bất biện*” (chế tâm một chỗ, không chuyện gì chẳng làm được). Câu này rất quan trọng. Quý vị có thể tập trung ý niệm, tập trung tại một chỗ, không chuyện gì chẳng làm được. Chúng ta muốn hóa giải hết thầy những tai nạn trên địa cầu, tập trung ý niệm sẽ làm được. Vì thế, kỳ đảo có hiệu quả, chẳng phải là không có hiệu quả. Lúc kỳ đảo, ý niệm phải tập trung thì mới có thể nảy sinh tác dụng. Nếu ý niệm không tập trung, kỳ đảo sẽ chẳng thể sinh ra hiệu quả. Dù có đạo lý, chẳng phải là mê tín. Do vậy, Hiền Hộ biểu thị Như Lai khéo hộ niệm chư Bồ Tát, dùng gì để khéo hộ niệm? Thiện là tốt nhất, hộ niệm tốt nhất, đối với các vị Bồ Tát này, “*Nhất Thừa nguyện hải, lục tự hồng danh, tam căn phổ bị, vạn loại tể thân*” (biển nguyện Nhất Thừa, sáu chữ hồng danh, thích hợp khắp ba căn, gồm thân muôn loài), [dùng] bốn câu này [để “thiện hộ niệm”].

Thuở tôi còn trẻ, tôi nhớ đã giảng kinh điển Tịnh Độ là bộ Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh, tôi tham khảo bản chú giải của pháp sư Quán Đảnh thuộc thời đại Càn Long nhà Thanh trước kia. Trong chú giải, Ngài có nói một câu: Chúng ta gặp khó khăn, cầu Phật, Bồ Tát gia trì, dùng những phương pháp trong Phật giáo để hóa giải tai nạn. Ngài nói: Nghiệp chướng của quý vị rất nặng, hết thầy kinh giáo sám pháp cũng chẳng có cách nào tiêu trừ nghiệp chướng của quý vị được, phương pháp gì cũng đã dùng hết cả rồi, vẫn chẳng thể tiêu trừ, cuối cùng còn có một phương pháp, khẳng định có thể tiêu trừ, phương pháp gì vậy? Một câu A Di Đà Phật, nhất tâm chuyên niệm. Khi ấy, chúng tôi đọc chú giải thấy Ngài viết như vậy, không tin, tuy không phản đối, cũng giới thiệu lời Ngài nói, nhưng chẳng tin tưởng điều ấy, [vì] không liễu giải đạo lý. Sau này, chúng tôi học kinh Hoa Nghiêm, học tập Hoàn Nguyên Quán của Hiền Thủ quốc sư mới hoảng nhiên đại ngộ. Lại thấy Lượng Tử Lực Học hiện đại cũng nói như vậy, ý niệm tập trung, sức mạnh ấy rất lớn, tập trung ở chỗ nào? Tập trung trong một câu A Di Đà Phật, sáu chữ hồng danh, hoặc bốn chữ đều được. Vì sao? Càng đơn giản, hiệu quả càng lớn. Một câu Phật hiệu thật sự hữu

dụng. Dùng một câu Phật hiệu để gia trì hết thầy chư Bồ Tát, từ Sơ Phát Tâm cho đến Đẳng Giác. Tâm quý vị một niềm thanh tịnh niệm câu Phật hiệu này, sức mạnh chẳng thể nghĩ bàn. Trong câu Phật hiệu ấy, A Di Đà Phật là gì? Là danh xưng của tự tánh. Dem dịch ra, đây là tiếng Ấn Độ, tức tiếng Phạn, dịch là Vô Lượng, Phật là Giác Ngộ, [A Di Đà Phật] là Vô Lượng Giác Ngộ, Vô Lượng Giác, Vô Lượng Trí Huệ, Vô Lượng Giác Ngộ. Đó là bản năng trong tự tánh, tự tánh vốn là vô lượng giác. Dùng câu danh hiệu này để khai phát vô lượng trí huệ, vô lượng giác ngộ trong tự tánh của chính mình, tác dụng ấy quá lớn! Thuở đầu chúng tôi học tập kinh giáo, những danh từ thuật ngữ ấy đều rất quen thuộc, vì sao không thể sanh khởi tín tâm? Chúng tôi chẳng tham cứu thấu triệt kinh giáo, mà cũng chẳng có ai giảng rõ ràng, minh bạch cho chúng tôi. Chúng tôi dúi mài kinh giáo chẳng bỏ, tốn ngàn ấy năm công phu, dần dần thông hiểu, từ từ giác ngộ, bèn khẳng định, chẳng còn hoài nghi, phương pháp này khởi tác dụng.

Trong Phật môn, chúng ta niệm A Di Đà Phật, Cơ Đốc giáo niệm Thượng Đế có được hay không? Được! Y Tư Lan giáo (Islam) niệm Chân Chúa, có được hay không? Được! Cùng một đạo lý! Chỉ cần quý vị tập trung ý niệm vào một niệm, sẽ sanh ra năng lượng chẳng thể nghĩ bàn, năng lượng ấy có thể giải quyết hết thầy vấn đề. Do đó, phải hiểu rõ đạo lý, phương pháp chính xác, nhất định chẳng hoài nghi, chẳng mê tín. Hiện tại, rất nhiều người nói tôn giáo là mê tín, chúng ta nghe xong cảm khái ngàn muôn, ai mê tín? Kẻ ấy mê tín. Vì sao nói kẻ ấy mê tín? Quý vị nói tôn giáo là mê tín, tôn giáo là gì, quý vị có biết hay không? Kẻ ấy không biết. Không biết thì xét theo thái độ, quý vị không có tư cách để nói chuyện! Quý vị thiếu tư cách để so sánh, thiếu tư cách để phê bình! Quý vị hiểu rõ ràng, nói nó là đúng hoặc chẳng đúng, quý vị có thể nói được. Quý vị chẳng hiểu rõ ràng, sẽ đúng là mê tín. Tự lầm, lầm người, tội lỗi ấy rất ư là nặng. Định luật nhân quả thuộc vào mười pháp giới; chưa vượt khỏi mười pháp giới, quyết định có nhân quả, không có cách nào vi phạm định luật nhân quả. Sau khi vượt thoát mười pháp giới, quý vị giác ngộ toàn bộ, hiểu rõ hoàn toàn, chính mình mới thật sự làm chủ tể, bốn chữ Thường, Lạc, Ngã, Tịnh thật sự làm được, cho nên có Chân Ngã. Thân thể này là Giả Ngã, chẳng phải là Chân Ngã. Sau khi minh tâm kiến tánh, đã tìm được Chân Ngã. Định nghĩa của Ngã là tự tại, là chủ tể. Quý vị thật sự có thể làm chủ. Hiện tại, chúng ta chưa thể làm chủ. Nếu có thể làm chủ, mỗi năm ta đều là mười tám tuổi, đây mới thật sự là làm chủ! Mỗi năm một già yếu hơn, tức là chưa làm chủ được. “Tôi mỗi ngày vui sướng lắm”, quý vị chẳng làm được! Ngã có nghĩa là chủ tể. Kiến tánh, chủ tể hiện tiền, quý vị thật sự có thể làm chủ. Vì thế, cuối cùng nói: “*Chánh thị Hiền Hộ chi nghĩa*” (Chính là ý nghĩa của Hiền Hộ). Biện nguyện Nhất Thừa, sáu chữ hồng danh, thích hợp khắp ba căn, gồm sáu loại, mười sáu chữ ấy đã bao gồm toàn bộ nội dung kinh Vô Lượng Thọ. Thích Ca Mâu Ni Phật triệu tập pháp hội này, giảng khóa học này, giảng những điều gì? Chính là giảng mười sáu chữ ấy. Đặc biệt là Nhất Thừa rất lỗi lạc. Nhất Thừa là thành Phật, đạt đến viên mãn rốt ráo.

Chúng ta lại xem tiếp: “*Hựu Thiện Tư Duy, biểu chánh trí minh liễu, thâm tín Phật huệ, tịnh biểu Pháp Tạng nhân địa ngũ kiếp tư duy, kết đắc đại nguyện chi thắng nhân*” (Thêm nữa, Thiện Tư Duy biểu thị chánh trí minh liễu (hiểu trọn vẹn rõ ràng), tin sâu Phật huệ, lại còn biểu thị: Ngài Pháp Tạng lúc còn tu nhân, tư duy trong năm kiếp, kết thành thắng nhân đại nguyện). Do vậy, danh hiệu đều nhằm biểu thị pháp, tượng trưng cho chánh trí sáng tỏ. Chánh trí không do bên ngoài mà có, mà chính mình vốn sẵn có, như đức Phật

đã nói: “*Hết thấy chúng sanh đều có trí huệ của Như Lai*”, đây là chánh trí. Trí huệ của chúng ta không sáng tỏ, có chướng ngại, thứ gì chướng ngại? Vọng tưởng là tầng chướng ngại thứ nhất, phân biệt là tầng chướng ngại thứ hai, chấp trước là tầng chướng ngại thứ ba. Do ba tầng chướng ngại, trí huệ của chúng ta chẳng thể thấu lộ, trí huệ chẳng có. Thật ra, đó là thật, chẳng giả, vì sao trí huệ chẳng thể thấu lộ? Sau khi trí huệ xuyên qua ba thứ chướng ngại ấy, nó cũng tỏ lộ, nhưng tỏ lộ thành gì? Đã bị biến chất, biến thành gì? Biến thành phiền não. Vì thế, trong kinh, đức Phật đã nói rất hay: “*Phiền não tức Bồ Đề, sanh từ tức Niết Bàn*”, lời này rất vi diệu. Phiền não và trí huệ là một chuyện, khi không mê, nó được gọi là trí huệ; khi đã mê bèn gọi là phiền não. Do vậy, có thể đoạn phiền não hay không? Chẳng thể đoạn. Phiền não đã đoạn, trí huệ chẳng còn! Chúng là hai mặt của một Thể. Do vậy, lời chánh thuyết trong kinh Phật là: “*Chuyển phiền não thành Bồ Đề*”, phải chuyển biến nó, chẳng thể đoạn nó. Vì nó là Tánh Đức trong tự tánh, quý vị chẳng thể đoạn được, nó vĩnh viễn tồn tại, chẳng sanh, chẳng diệt, nhưng nó có mê và ngộ, mê là phiền não, ngộ là trí huệ.

Chỉ có chánh trí sáng tỏ, quý vị mới tin sâu Phật huệ. Phật là người chứng đắc minh tâm kiến tánh, vì sao? Ngài chẳng có phiền não, hoàn toàn chuyển biến thành trí huệ, quý vị tin tưởng Ngài. Chúng ta chưa chuyển được, vẫn là phiền não, chẳng chuyển thành Bồ Đề. Sau khi chúng ta đã chuyển được, sẽ giống như các Ngài, Phật Phật đạo đồng, không tăng, không giảm. Vì vậy, Phật pháp vĩnh viễn là pháp bình đẳng. Trí huệ của Phật là trí huệ của chính chúng ta, đã hiểu rõ, chẳng còn chướng ngại nữa! Nói theo phía Phật, phiền não của chúng ta chính là trí huệ của Phật, do trong ấy có chướng ngại, nên trí huệ bị biến chất, chuyện là như thế đó! Biến chất là nhất thời, là tạm thời, chẳng phải là vĩnh hằng, rất dễ khôi phục bình thường. Khôi phục bình thường sẽ chẳng hai, chẳng khác với Phật; vì thế, Phật tôn trọng phàm phu, chẳng có mảy may tâm lý khinh mạn. Trong mắt Phật, hết thấy chúng sanh đều giống như Ngài, chẳng hai, chẳng khác. Chỉ cần quý vị giác ngộ, chỉ cần quý vị chịu buông vọng tưởng, phân biệt, chấp trước xuống, quý vị sẽ giống như Ngài. Vì thế, tin sâu Phật huệ rất khó khăn, chúng tôi huân tập kinh giáo một thời gian lâu như thế mới dần dần thông hiểu, chẳng còn có mảy may hoài nghi!

Về phương diện biểu pháp thì sao? Ngài cũng hiển thị “*Pháp Tạng nhân địa*”, Pháp Tạng Bồ Tát là kiếp xưa của A Di Đà Phật. Trước khi Ngài thành Phật, trong quá trình tu hành, Ngài có pháp hiệu là Pháp Tạng, tức từ-kheo Pháp Tạng, hoặc Pháp Tạng Bồ Tát. Trong khi tu nhân, Ngài đã tu bao lâu? Năm kiếp, “*ngũ kiếp tư duy*”, hai chữ [tư duy] trọng yếu, Ngài nghĩ tới gì? Nghĩ tới thế giới Cực Lạc, tư duy năm kiếp, suy nghĩ thành công, thế giới Cực Lạc hiện tiền. Hết thấy các pháp sanh từ tâm tưởng, chẳng phải là đạo lý như vậy u? Nay chúng ta hiểu rõ, chúng ta có nhiều đồng học ngàn ấy, nếu quý vị hiểu được thâm ý hàm tàng trong câu này, A Di Đà Phật lại còn chứng minh cho quý vị, thế giới Cực Lạc thật sự do Ngài tưởng ra, từ trong Không sanh ra Có. Nếu chúng ta có thể sử dụng thời gian năm mươi năm, dùng thời gian một trăm năm để suy tưởng, suy tưởng khiến cho địa cầu khôi phục bình thường giống như thế giới Cực Lạc; có thể thành công hay không? Chắc chắn có thể thành công. Chỉ có một niệm, chẳng thể có niệm thứ hai. Niệm thứ hai là xen tạp, phá hoại niệm này. Cùng một đạo lý giống như vậy, chúng ta chỉ có một niệm thanh tịnh, nghĩ thân tâm của chính mình mạnh khỏe, có thể đạt được thân tâm mạnh khỏe hay không? Có thể! Thế gian có pháp hay không? Không có pháp, pháp gì cũng không có.

Hễ có thì là gì? Có thì là tâm thái, là ý niệm. Vì thế, các nhà khoa học ngày nay bảo: Tất cả các hiện tượng vật chất trong thế gian đều do ý niệm tích lũy liên tục phát sanh huyền tượng, được gọi là vật chất. Trên thực tế, không có vật chất, bất cứ vật chất gì cũng có thể trở về năng lượng, các khoa học gia đã đưa ra [luận điểm] này rất sớm. Vật chất và năng lượng có thể chuyển biến thành lẫn nhau, họ đưa ra một học thuyết như vậy. Hiện thời, Lượng Tử giảng rõ ràng hơn, hết thấy vật chất đều là ý niệm tích lũy. Một ý niệm tốt, một ý niệm thuần tịnh, thuần thiện, khi hiển lộ sẽ là thế giới Cực Lạc.

Hiện thời, xã hội rối ren ngàn ấy, tai nạn trên địa cầu nhiều ngàn ấy, do gì? Do ý niệm bất thiện, tự tư tự lợi, tham, sân, si, mạn, tổn người, lợi mình, đều do những ý niệm ấy. Người trên cả thế giới đều có những ý niệm như thế, đó là ý thức của tập thể, sức mạnh to lớn, sức mạnh ấy có thể hủy diệt địa cầu. Chúng ta đã hiểu rõ đạo lý này, muốn cứu vớt địa cầu này thì phải chuyển biến ý niệm. Một số ít người chuyển được thì cũng có thể sanh ra hiệu quả chẳng nghĩ bàn. Khoa học gia đã cung cấp một vài con số, đối với số lượng con người trên toàn thế giới, lấy căn bậc hai của một phần trăm con số ấy, sẽ chưa tới tám ngàn người, không phải là tám ngàn vạn, mà là tám ngàn người. Cũng có nghĩa là trên thế giới này, nếu có tám ngàn người tập trung ý niệm, chuyển biến tâm thái thành tốt đẹp nhất, thiện nhất, sẽ có thể hóa giải tai nạn trên thế giới này. Chúng ta có thể tin tưởng [điều ấy] hay không? Hiện thời, cư dân trên địa cầu là sáu mươi ức, [thế mà] tám ngàn người có thể cứu [toàn thể cư dân trên địa cầu], quý vị có tin hay không? Người đông như thế làm chuyện xấu, tám ngàn người tốt có thể cứu! Tôi tin tưởng, dựa vào đâu để tin tưởng? Tổ tông chúng ta có nói: “*Tà chẳng thắng chánh*”, con người đa số là tà tri tà kiến, tám ngàn người ấy chánh tri chánh kiến, tôi tin tưởng câu ấy, tà chẳng thắng chánh. Phải phát chân tâm, chẳng có chính mình, hễ thêm một chút tâm tự lợi mình vào đó là không được, sẽ là vọng tâm. Chúng ta dùng chân tâm, làm thế nào để biến vọng tâm thành chân tâm? Bốn câu ấy hay lắm: “*Nhất Thừa nguyện hải, lục tự hồng danh, tam căn phổ bị, vạn loại tế thân*”, mười sáu chữ ấy quá hay! Trọng yếu nhất là học theo A Di Đà Phật, Nhất Thừa nguyện hải trong khi tu nhân, Nhất Thừa là thành Phật, đạt đến rốt ráo viên mãn. Thế giới Cực Lạc do mười sáu chữ ấy tu thành, thiện tư duy đấy! Dùng thời gian năm kiếp [để tư duy], rốt cuộc xuất hiện thế giới Cực Lạc. “*Kết đắc đại nguyện chi thắng nhân*”, cái nhân thù thắng khôn sánh! Do vậy, thế giới Cực Lạc là quả báo thù thắng khôn sánh!

“*Huệ Biện Tài*” Bồ Tát, “*biểu minh tín Phật huệ, biện tài vô ngại, tức kinh trung*” (Huệ Biện Tài biểu thị tin hiểu Phật huệ, biện tài vô ngại như trong kinh) đã nói: “*Diễn từ biện, thọ pháp nhãn, thường dĩ pháp âm giác chư thế gian chi nghĩa*” (các ý nghĩa “diễn nói từ vô ngại biện tài, trao truyền pháp nhãn, thường dùng pháp âm giác ngộ các thế gian”). Mấy câu kinh văn này, trong phần sau sẽ được nói đến. Sở dĩ, trong xã hội hiện thời, chúng ta trong hết thấy thời, hết thấy chốn, chẳng bị cảm nhiễm, còn có thể gìn giữ cái tâm thanh tịnh của chính mình, hiểu rõ trí huệ, là do cậy vào đâu? Cậy vào kinh giáo. Tôi tin tưởng các đồng học có cùng cảm nghĩ với tôi, sự vui sướng nhất trong một ngày của chúng ta là gì? Khi cùng nhau học tập kinh giáo, vui sướng khôn sánh! Thầy Phương bảo tôi: “[*Học Phật là*] *sự hưởng thụ cao nhất trong đời người*”, chúng tôi mới hiểu Thích Ca Mâu Ni Phật suốt ngày giáo học, vui sướng khôn sánh. Thật vậy, chẳng giả! Ngài giáo học chưa hề chẳng gián đoạn, một người Ngài cũng dạy, hai người Ngài cũng dạy, không câu nệ số người bao nhiêu, chẳng có thời gian nhất định, chẳng có nơi chốn nhất định, thấy

người [tìm đến học] Ngài bèn dạy, chẳng bỏ sót một ai. Đó là bậc thầy khuôn mẫu, là giáo viên điển hình, một vị thầy tốt đẹp! Toàn tâm toàn ý dạy quý vị, chẳng có mảy may tự tư tự lợi, chẳng có! Giúp quý vị khai ngộ, minh tâm kiến tánh, trở về tánh đức. Quý vị thấy sung sướng lắm chứ! Trong giáo lý Đại Thừa, đức Phật thường nói: “Bồ Tát ở chỗ nào đều khiến cho hết thấy chúng sanh sanh tâm hoan hỷ”, pháp hỷ sung mãn. Thật đấy, chẳng giả tí nào!

Tiếp đó: “*Quán Vô Trụ, kiến Đường dịch, Ngụy dịch tác Không Vô*” ([Danh xưng] Quán Vô Trụ thấy ghi trong bản dịch đời Đường, bản dịch đời Ngụy ghi là Không Vô). Bản Khang Tăng Khải và trong kinh Đại Bảo Tích đều dịch là Không Vô, có cùng ý nghĩa với Quán Vô Trụ. “*Biểu kinh trung: Thí thiên huyễn sư, hiện chúng dị tướng, u bỉ tướng trung, thật vô khả đắc*” (Biểu thị ý nghĩa sau đây trong kinh: “Vị như người khéo làm huyễn thuật, hiện các tướng lạ, nhưng các tướng ấy thật sự chẳng thể có được”). Đây là kinh văn trong phần sau, chúng tôi cũng dành lại để giảng sau. Đoạn kinh văn ấy ý vị vô cùng. “*Diệc biểu Pháp Tạng vĩnh kiếp nhân hạnh, thuyết Không, Vô Tướng, Vô Nguyên chi pháp*” (cũng biểu thị ngài Pháp Tạng bao kiếp tu nhân hạnh, nói các pháp Không, Vô Tướng, Vô Nguyên). Trong danh hiệu này, cũng biểu thị A Di Đà Phật trong khi tu nhân, năm kiếp tu hành, đó là nhân hạnh (hạnh được tu tập trong khi tu nhân); nói Không, Vô Tướng, Vô Nguyên, đây cũng là ba pháp ấn trong Đại Thừa Phật pháp, chúng ta dành lại để học tập trong phần sau.

“*Thần Thông Hoa, biểu tòng thần thông lực, tập vạn hạnh chi đức hoa, dĩ tự trang nghiêm, cụ túc phương tiện, thành tựu chúng sanh. Như kinh vân: Du bộ thập phương, hành quyền phương tiện*” (Thần Thông Hoa biểu thị sức thần thông, muôn hạnh kết thành đức hoa để tự trang nghiêm, đầy đủ phương tiện thành tựu chúng sanh như kinh chép: “Đạo chơi mười phương, hành phương tiện quyền biến”), Ngài đại biểu ý nghĩa này. Tự mình thành tựu và giúp đỡ chúng sanh, chẳng thể không có sức thần thông. Sức thần thông có phạm vi rộng lớn vô hạn. Quý vị nhìn chữ Thần (神) này, chúng tôi thường nói văn tự Trung Quốc là phù hiệu trí huệ. Chúng ta thấy bên trái chữ Thần là chữ Thị (示), quý vị xem chữ này viết theo lối chữ Triện sẽ thấy rất rõ ràng. Phía trên là một vạch ngắn nằm ngang, phía dưới là một vạch dài nằm ngang, đó chữ là Thượng viết theo lối chữ Triện thời cô. Chữ Hạ thì phía trên dài, phía dưới ngắn, đó là chữ Hạ. Phía dưới chữ Thượng có ba vạch sổ xuống, mang ý nghĩa biểu thị các hình tượng trên bầu trời. Nói theo cách bây giờ, tức là hiện tượng tự nhiên. Chữ “*Thị*” tượng trưng hiện tượng tự nhiên, quý vị thấy hiện tượng tự nhiên. Bên phải là chữ Thân (申), chữ Thân viết theo lối chữ Triện sẽ giống như ba cái ải. Ba cửa ải ấy quý vị đều có thể vượt qua, đây chính là ý nghĩa của chữ Thân. Gộp các ý nghĩa ấy lại, quý vị có thể thông đạt hiện tượng tự nhiên bèn gọi là Thần. Do vậy, đối với hiện tượng tự nhiên trong vũ trụ, quý vị đều biết, đều hiểu rõ, bèn gọi là Thần, mang ý nghĩa ấy. “*Thần*” và “*Thông*”, sự thông đạt ấy mang ý nghĩa tương thông, nên thường cùng nhau khởi tác dụng, vì thế gọi là Thần Thông. Quý vị có thể thông đạt hết thấy các pháp, quý vị có năng lực ấy. Đây là gì? Đó là trí huệ, chỉ có trí huệ mới có thể thông đạt, tri thức không được. Tác dụng của tri thức chẳng lớn, nó có hạn cuộc, mà còn để lại hậu quả; trí huệ không có [những rắc rối ấy], trí huệ xử lý vấn đề chẳng hạn cuộc, lại còn chẳng để lại hậu quả. Trong thế giới hiện thời, dùng tri thức, chẳng dùng trí huệ. Phàm

là người dùng trí huệ, tâm thanh tịnh, tâm Định. Vì thế, trong Phật pháp dùng “long tượng” để biểu tượng [điều ấy]: “*Na Già⁵ thường tại Định, vô hữu bất định thời*” (đức Phật thường trong Định, không lúc nào chẳng định), dùng long tượng để biểu thị. Chúng ta chưa thấy rồng, nhưng đã thấy voi. Chúng ta thấy voi to giống như nhập Định. Nó đứng, bốn phương tám hướng bình ổn; bước đi, chậm rãi, từng bước một, luôn ở trong Định. Đi, đứng, nằm, ngồi, quý vị thấy nó tâm luôn Định, Bồ Tát phải lấy điều đó làm khuôn mẫu, phải thường học theo. Thời thời khắc khắc tâm thanh tịnh, tâm bèn Định. Định sanh Huệ, sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần, phản ứng là trí huệ, chẳng phải là tri thức.

Vì thế, con người chớ nên tâm tư lao chao, bộp chộp. Kẻ tâm tư lao chao, bộp chộp, thầy chẳng muốn nhận, vị thầy thật sự truyền đạo chẳng muốn nhận quý vị. Vì sao? Quý vị chẳng học được! Thầy thấy quý vị trầm tĩnh, ổn trọng, ổn định, người này là nhân tài, là pháp khí, thầy sẽ thật sự giúp quý vị. Quý vị không muốn học, thầy cũng tìm cách khiến cho quý vị học. Vì sao? Thầy vì truyền đạo, chẳng phải vì một ai! Quan trọng là chánh pháp đại đạo phải có người tiếp nhận, truyền thừa, điều này là quan trọng! Gặp người như thế, thầy chắc chắn chẳng vứt bỏ, phải thành tựu kẻ ấy, tuy kẻ ấy chẳng có liên quan gì đến ta, vẫn phải truyền đạo. Đó là đại từ đại bi, chịu trách nhiệm đối với chánh pháp, chịu trách nhiệm đối với hết thảy chúng sanh. Hôm nay đã hết thời gian rồi, chúng ta học tới đây. Ngày mai chúng ta học từ Quang Anh Bồ Tát.

⁵ Na Già có nghĩa gốc là rồng (phiên âm của chữ Nāga). Kinh Phật thường gọi Phật hoặc A La Hán là Ma Ha Na Già, nhằm sánh ví bậc đại lực dụng, giống như rồng có thể ẩn hiện khôn lường. Huyền Ứng Âm Nghĩa quyển 3 giảng: “*Na Già có ba nghĩa, một là rồng, hai là voi, ba là Bất Lai, Không Trước Kinh gọi Phật là Na Già, do Phật chẳng còn sanh tử*”. Đại Nhật Kinh Sớ, quyển 5, giảng: “*Ma Ha Na Già là biệt hiệu của Như Lai, do Ngài có đại dụng không ngăn mé, chẳng thể nghĩ bàn*”.